ĐỀ THI THỬ TRẮC NGHIỆM CHỦ ĐỀ CHUNG LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ
(Đề 2)

Câu 1. Vùng biển Việt Nam có diện tích là

A. khoảng 1 triệu km^2.

B. khoảng 2 triệu km^2.

C. khoảng 300.000 km^2.

D. khoảng 500.000 km^2.

Câu 2. Theo Luật Biển Việt Nam 2012, vùng biển Việt Nam **không** bao gồm

A. vùng ranh giới phi quân sự.

B. lãnh hải.

C. nội thủy.

D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 3. Các đảo gần bờ của Việt Nam nằm tập trung ở

A. Tây Bắc.

B. Tây Nam Bộ.

C. Đông Bắc Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 4. Đảo nào sau đây của Việt Nam được tổ chức thành đơn vị hành chính cấp huyện?

A. Cù Lao Chàm.

B. Nam Du.

C. Bình Ba.

D. Vân Đồn.

Câu 5. Thông tin nào sau đây là đúng về quần đảo Hoàng Sa?

A. Là đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc thành phố Đà Nẵng.

B. Là đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

C. Là thành phố đảo duy nhất trực thuộc tỉnh Khánh Hòa.

D. Là quần đảo gần bờ trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 6. Theo Luật Biển Việt Nam 2012, vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển là

A. nội thủy.

B. lãnh hải

C. vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 7. Theo Luật Biển Việt Nam 2012, vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở là

A. vùng đặc quyền kinh tế.

LIVEWORKSHEETS

B. vùng tiếp giáp lãnh hải.

C. lãnh hải.

D. nội thủy.

Câu 8. Chất lượng môi trường nước biển Việt Nam là

A. ô nhiễm.

B. ô nhiễm trầm trọng.

C. khá tốt.

D. chưa bị ô nhiễm.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây **không** được sử dụng để cải thiện môi trường biển?

A. Bảo vệ rạn san hô.

B. Đánh bắt cá con.

C. Trồng và bảo vệ rừng ngập mặn.

D. Cải thiện tình trạng ô nhiễm ven bờ.

Câu 10. Loại tài nguyên biển nào sau đây không thể tái tạo?

A. Năng lượng gió và sóng biển.

B. Các loài sinh vật biển.

C. Muối và thủy hải sản.

D. Dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** đúng về tài nguyên vùng biển đảo Việt Nam?

A. Tài nguyên biển Việt Nam phong phú, đa dạng, có giá trị kinh tế và vô tận.

B. Có nhiều vịnh, đầm thuận lợi cho nuôi trồng các loại thủy hải sản có giá trị.

C. Dầu mỏ, khí tự nhiên, khoáng sản rắn (sắt, ti-tan, cát,…) có giá trị kinh tế cao.

D. Nguồn tài nguyên du lịch biển đa dạng, đặc sắc với bờ biển dài và nhiều vịnh đẹp.

Câu 12. Việt Nam có thể phát triển kinh tế biển bằng cách

A. khai thác nguồn dầu mỏ có trữ lượng lớn nhất thế giới.

B. phát triển giao thông vận tải biển kết nối với thế giới.

C. đầu tư tàu cá lớn để đánh bắt trên vùng biển nước ngoài.

D. cho nước ngoài thuê các cảng biển làm căn cứ quân sự.

Câu 13. Các ngành kinh tế biển Việt Nam **không** bao gồm

A. khai thác, nuôi trồng thủy sản.

B. giao thông vận tải biển.

C. khai thác, chế biến lâm sản.

D. du lịch biển.

Câu 14. Đảo có diện tích lớn nhất ở Việt Nam là

A. Phú Quốc.

B. Phú Quý.

LIVEWORKSHEETS

C. Lý Sơn.

D. Côn Đảo.

Câu 15. Theo Luật Biển Việt Nam 2012, đi từ đất liền ra vùng biển quốc tế lần lượt là

A. đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, nội thủy.

B. lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế.

C. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế.

D. nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, đặc quyền kinh tế.

Câu 16. Phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Việt Nam **không** bao gồm

A. nghề muối.

B. nuôi trồng thủy sản.

C. du lịch cộng đồng.

D. khai thác khoáng sản.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là đúng về những thuận lợi của Việt Nam trong phát triển tổng hợp kinh tế biển?

A. Sở hữu tất cả các đảo trên Biển Đông.

B. Có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất châu Á.

C. Là vùng biển kín lớn nhất thế giới.

D. Nằm trên con đường hàng hải quốc tế.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** đúng về những thuận lợi của Việt Nam trong phát triển tổng hợp kinh tế biển?

A. Có trữ lượng khí đốt lớn nhất thế giới.

B. Có nguồn tài nguyên thủy sản đa dạng.

C. Có tài nguyên khoáng sản phong phú.

D. Có bãi biển đẹp và khí hậu thuận lợi.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **không** đúng về quá trình đắp đê sông Hồng?

A. Từ khi lập nhà Nguyễn, vua Gia Long thuê người Pháp xây dựng hệ thống đê hai bên sông Hồng.

B. Từ thời Hùng Vương, đê điều đã xuất hiện ở Phong Châu (Phú Thọ), lũ lên người dân đổ đất tôn ruộng lên cao.

C. Đê Cơ Xá được vua Lý Nhân Tông cho xây dựng từ năm 1108 để bảo vệ kinh thành Thăng Long khỏi ngập lụt.

D. Dưới thời Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ có công quai đê lấn biển lập ra hai vùng đất mới là Tiền Hải và Kim Sơn.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** đúng về những khó khăn của Việt Nam trong phát triển tổng hợp kinh tế biển?

A. Vùng biển có nhiều thiên tai.

B. Vùng biển lạnh, diện tích nhỏ.

C. Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ.

LIVEWORKSHEETS

D. Ô nhiễm môi trường gia tăng.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là **không** đúng về những thuận lợi của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền, quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông?

A. Kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

B. Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển.

C. Đã xây dựng được hệ thống luật về biển và biên giới.

D. Hoàn thiện Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Câu 22. Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển đã

A. phân chia hài hòa lợi ích của các quốc gia trên Biển Đông.

B. chấm dứt các tranh chấp liên quan đến chủ quyền biển đảo.

C. tạo cơ sở pháp lí cho Việt Nam bảo vệ chủ quyền biển đảo.

D. phân chia xong lãnh hải giữa các quốc gia trên Biển Đông.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh không **đúng** vai trò của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (1982) đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam?

A. làm nền tảng để Việt Nam xây dựng Luật Biển Việt Nam.

B. tạo cơ sở pháp lí cho cuộc đấu tranh bảo vệ biển đảo.

C. đặt cơ sở cho việc phân chia lãnh hải quốc gia trên biển.

D. khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên toàn bộ Biển Đông.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là đúng về những thuận lợi của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền, quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông?

A. Có các công ước quốc tế và hệ thống luật pháp về biển đảo.

B. Những tranh chấp vũ trang trên Biển Đông đã được chấm dứt.

C. Các nước Đông Nam Á thống nhất phân chia lãnh hải trên biển.

D. Các thế lực thù địch từ bỏ âm mưu độc chiếm Biển Đông.

Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh khó khăn lớn nhất trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông?

A. Các bên liên quan không có quy tắc ứng xử trên Biển Đông.

B. Xung đột vũ trang lớn xảy ra thường xuyên, liên tục trên biển.

C. Tình trạng chồng lấn giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia.

D. Pháp luật quốc tế chưa có các công ước liên quan đến luật biển.

Câu 26. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lí do vùng biển Việt Nam có vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế?

A. Có nguồn tài nguyên hải sản phong phú nhất Ấn Độ Dương

B. Có nguồn tài nguyên dầu mỏ trữ lượng lớn nhất thế giới.

C. Có tài nguyên phong phú, cảnh quan đẹp, vị trí đắc địa.

D. Tiếp giáp với tất cả các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

LIVEWORKSHEETS

Câu 27. Vùng biển Việt Nam có ầm quan trọng chiến lược vì lí do nào sau đây?
A. Có nguồn tài nguyên phong phú, nằm trên tuyến hàng hải huyết mạch.
B. Có nguồn tài nguyên dầu mỏ chất lượng và trữ lượng lớn nhất thế giới.
C. Là vùng biển lớn nhất thuộc Đại Tây Dương, giao thương phát triển.
D. Sở hữu một kênh đào lớn có giá trị kết nối thương mại toàn cầu.
Câu 28. Nội dung nào sau đây **không** đúng về hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của các triều đại quân chủ Việt Nam?
A. Các triều đại tổ chức thu thuế và cứu hộ tàu bị nạn trên Biển Đông.
B. Nhà Nguyễn tổ chức các đội thủy quân chuyên trách thực thi chủ quyền.
C. Nhà Trần lập các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải bảo vệ chủ quyền trên biển.
D. Cho vẽ các bản đồ, lập các đội tuần tra thể hiện chủ quyền trên biển.
Câu 29. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải được thành lập dưới thời
A. thuộc Pháp.
B. nhà Trần
C. nhà Lê sơ.
D. các chúa Nguyễn.
Câu 30. Để bảo vệ chủ quyền và khai thác tài nguyên biển đảo, triều Tây Sơn
A. thay thế đội Hoàng Sa.
B. tiếp tục duy trì đội Hoàng Sa.
C. xây dựng các bia chủ quyền.
D. xây dựng các cảng nước sâu.
Câu 31. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chủ yếu sử dụng biện pháp nào sau đây để bảo vệ chủ quyền biển đảo?
A. Đấu tranh vũ trang.
B. Pháp lí và ngoại giao.
C. Thành lập liên minh quân sự.
D. Đấu tranh kinh tế.
Câu 32. Trong các thư tịch cổ, quần đảo Hoàng Sa thường được gọi với cái tên nào sau đây?
A. Côn Sơn.
B. Cù Lao Ré.
C. Bãi Cát Vàng.
D. Vạn lý Trường Sa.
Câu 33. Việt Nam và Trung Quốc đã kí Hiệp định phân định vùng biển nào sau đây?
A. Vịnh Vân Phong.
B. Vùng biển Tây Nam.
C. Vùng biển Bắc Trung Bộ.
D. Vịnh Bắc Bộ.
Câu 34. Chất lượng nước biển ven bờ ở Việt Nam
A. khá tốt với hầu hết các chỉ số đều nằm trong giới hạn cho phép.
B. không tốt vì các chỉ số đều ở mức trung bình.
C. rất xấu vì ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu và công nghiệp hóa.
D. rất tốt vì các chỉ số đều đạt mức tốt nhất.
Câu 35. Để phát triển kinh tế biển, Việt Nam hiện nay gặp khó khăn do
A. nghèo nàn về tài nguyên, đặc biệt là không có dầu mỏ
B. nằm trong khu vực chiến tranh, xung đột quân sự liên miên.

LIVEWORKSHEETS

C. là vùng biển nhiệt đới có nhiều thiên tai, đặc biệt là bão .
D. chất lượng nước biển rất xấu do ô nhiễm môi trường nặng nề.
Câu 36. Nội dung nào sau đây là đúng về cơ sở hạ tầng ở các vùng biển và hải đảo Việt Nam
A. chưa được xây dựng, mới bắt đầu hình thành các dự án phát triển.
B. được xây dựng với quy mô lớn, đủ để phát huy hết tiềm năng biển.
C. còn nghèo nàn và thiếu thốn, chỉ đáp ứng một số nhu cầu cơ bản.
D. còn chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa xứng với tiềm năng và thế mạnh.
Câu 37. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thành tựu của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước trên Biển Đông?
A. Hệ thống luật và pháp luật làm cơ sở pháp lý bảo vệ chủ quyền.
B. Tự sản xuất được hệ thống tàu chiến và vũ khí hiện đại bậc nhất.
C. Xây dựng được các đặc khu kinh tế biển cho nước ngoài thuê.
D. Xây dựng Công ước về Luật biển được thế giới công nhận.
Câu 38. Từ thời tiền sử, người Việt cổ đã có hoạt động nào sau đây trên biển Đông?
A. Lập công xưởng đóng tàu chiến, xây dựng thủy binh mạnh trong khu vực.
B. Lập bia chủ quyền, dựng miếu thờ trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
C. Thành lập Đội Hoàng Sa, Bắc Hải để bảo vệ chủ quyền và lợi ích trên biển.
D. Đánh bắt hải sản và giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực.
Câu 39. Từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX, các cảng thị, đô thị cổ ở cả Đàng Ngoài và Đàng Trong như: Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An, Thanh Hà, Gia Định,... đều
A. trở thành căn cứ quân sự, phòng thủ mạnh để bảo vệ đường bờ biển.
B. hướng ra biển, thúc đẩy việc mở rộng giao thương biển với nước ngoài.
C. được thương nhân nước ngoài đầu tư, trở thành đô thị công nghiệp.
D. chọn cư dân ra sinh sống tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
Câu 40. Nội dung nào sau đây **không** đúng về vùng biển Việt Nam?
A. Là nguồn cung cấp muối vô tận.
B. Có tài nguyên biển đa dạng, phong phú.
C. Có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
D. Có nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc.

LIVEWORKSHEETS